

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày 27-02-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Quân

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự về vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự;

1. Đồng nguyên đơn: Bà Lý Lệ H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Dương Đông, Tp.PQ, tỉnh KG

Bà Lý Kiều O, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Dương Đông, Tp.PQ, tỉnh KG

- Người đại diện theo ủy quyền ngày 10-02-2022 của bà H, bà O: **Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967**. Địa chỉ: Khu phố 11, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG (có mặt)

2. Đồng bị đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Khu Tượng, xã Cửa Dương, Tp.PQ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-01-2022, quá trình giải quyết vụ kiện bà Lý Lệ H trình bày: Bà Hoa có cho bà Phạm Thanh H vay nhiều lần tiền như sau: Vào ngày 01-01-2020 cho vay số tiền 300.000.000đ; Ngày 06-7-2021 cho vay 290.000.000đ; Ngày 06-12-2021 cho vay 100.000.000đ; Ngày 10-12-2021 cho vay 400.000.000đ, tổng cộng nợ gốc 730.000.000đ. Lãi của các lần vay đều 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, có trả lãi được 06 tháng sau đó không tiếp tục trả lãi, đến tháng 08-2021 thống nhất cộng dồn nợ gốc và nợ lãi còn nợ thành số tiền 1.000.000.000đ. Bà H hẹn đến ngày 26-12-2021 trả dứt điểm nợ gốc và nợ lãi nhưng không thực hiện.

Nay bà Hoa khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền vay 1.000.000.000đ và trả lãi 1.66%/tháng, tính từ ngày được thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện ngày 17-01-2022, quá trình giải quyết vụ kiện bà Lý Thị Kiều O trình bày: Bà Hoa có cho bà Phạm Thanh H vay nhiều lần tiền như sau: Vào ngày 12-02-2020 cho vay số tiền 70.000.000đ; Ngày 15-9-2020 cho vay 110.000.000đ; Vào ngày 10-11-2020 cho vay 02 lần một lần 100.000.000đ và 50.000.000đ, tổng cộng nợ gốc 375.000.000đ. Lãi của các lần vay đều 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, có trả lãi được 08 tháng sau đó không tiếp tục trả lãi, đến tháng 8-2021 thống nhất cộng dồn nợ gốc và nợ lãi còn nợ thành số tiền 500.000.000đ. Bà H hẹn đến ngày 24-12 trả dứt điểm nợ gốc và nợ lãi nhưng không thực hiện.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền vay 500.000.000đ và trả lãi 1.66%/tháng, tính từ ngày được thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T trình bày: Việc cho vay giữa bà Hoa, bà O với bà H có làm nhiều biên nhận nợ, có biên nhận nợ trùng ngày, tháng vay vì trong ngày bà H vay nhiều lần. Các biên nhận nợ bên bà Hoa, bà O cung cấp là biên nhận nợ do chính tay bà H viết, ký nhận nợ. Ghi tên chủ nợ “Dì Út”, “Anh Thịnh”, “Dì

Tạo”, “Bé Phương”, “Anh Hùng” là do bà H tự ghi tên người khác để tránh cho chồng là ông Tú biết việc vay nợ. Tất cả các lần vay tiền, trả lãi là do bà H vay, trả lãi còn ông Tú ở chung nhà nhưng đi làm việc nên không tham gia vay nợ, ký nhận nợ nhưng biết rõ các khoản nợ này.

Đối với tiền lãi vay không xác định được đã nhận bao nhiêu tiền lãi, vì thời gian quá lâu, tiền lãi đã trả không đồng ý tính lại. Nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn như sau:

Đối với bà Lý Thị Kiều O, yêu cầu bà Phạm Thanh H, ông Lê Anh T trả 375.000.000đ. Tính lãi 10%/năm, từ ngày 01-10-2021 (ngày ngừng trả lãi) đến ngày xét xử sơ thẩm 27-02-2024.

Đối với bà Lý Lệ H, buộc ông Lê Anh T cùng vợ là bà Phạm Thanh H liên đới trả cho bà O số tiền 730.000.000đ. Tính lãi suất 10%/năm, từ ngày 01-10-2021 (ngày ngừng trả lãi) đến ngày xét xử sơ thẩm 27-02-2024. Ngoài ra các nguyên đơn không yêu cầu gì khác, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

*** Tại bản trình bày ý kiến ngày 19-02-2022 bà Phạm Thị H trình bày:** Bà Lý Lệ H, yêu cầu bà H trả khoản nợ 1.000.000.000đ. Bà Lý Thị Kiều O yêu cầu trả khoản nợ 500.000.000, tính lãi 1.66%/tháng từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H cho rằng vụ án có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng, có làm đơn yêu cầu cơ quan Công an thành phố PQ xem xét giải quyết. Trong vụ án bà H không hợp tác với Tòa án, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

*** Tại bản trình bày ý kiến ngày 19-02-2022 ông Lê Anh T trình bày:** Bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O yêu cầu anh Tú trả các khoản nợ và lãi suất nêu trên là không có căn cứ, anh Tú không vay nợ hoặc thế chấp bất kỳ tài sản gì cho bà Hoa, bà O. Trong vụ án anh Tú không hợp tác với Tòa án, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

- **Về thủ tục tố tụng:** Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O. Buộc bà Phạm Thanh H trả cho bà

Lý Thị Kiều O số tiền nợ gốc là 375.000.000đ, trả cho bà Lý Lệ H số tiền 730.000.000đ. Tính lãi 10%/năm, từ ngày 01-10-2021 (ngày ngừng trả lãi) đến ngày xét xử sơ thẩm 27-02-2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự: Ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H là đồng bị đơn, được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn là phù hợp.

[1.2] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn kiện và quá trình giải quyết vụ kiện, bà Lý Thị Kiều O, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền 500.000.000đ. Bà Lý Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền 1.000.000.000đ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa, bà O xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đối với bà O, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Tú, bà H trả 375.000.000đ; Đối với bà H, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Tú, bà H trả 730.000.000đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Kiều O, HĐXX thấy rằng: Bà O cung cấp 05 biên nhận nợ, cụ thể: (1) Biên nhận ngày 12-02-2020, thể hiện bà Phạm Thanh H vay 70.000.000đ; (2) Biên nhận ngày 15-9-2020, bà H vay số tiền 45.000.000đ; (3) Biên nhận ngày 15-9-2020, bà H vay số tiền 110.000.000đ; (4) Biên nhận ngày 10-11-2020, bà H vay số tiền 50.000.000đ; (5) Biên nhận ngày 10-11-2020, bà H vay số tiền 100.000.000đ, tổng cộng nợ gốc 375.000.000đ (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Các biên nhận nợ, không thể hiện thời hạn vay, lãi vay, ghi người cho vay lần lượt là “Bé Phương”, “Dì Oanh”, “anh Hùng”, “anh Phong”, “Dì” không thể hiện tên người cho vay là bà Lý Thị Kiều O. Tuy nhiên, thể hiện tên người vay là bà Phạm Thanh H và các biên nhận nợ này là bản gốc.

Lời khai của bà Phạm Thanh H tại Cơ quan điều tra Công an thành phố PQ thể hiện, bà H thừa nhận có ký tên 05 biên nhận nợ nhưng không ghi tên bà O là để giấu chồng là ông Tú việc bà H vay nợ của bà O. Do đó, bà O khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ gốc 375.000.000đ là có căn cứ. Lời khai bà H tại Cơ quan điều tra Công an thành phố PQ cho rằng, đã trả được một phần nợ gốc cho bà O, chỉ còn nợ gốc 260.000.000đ, bà O và người đại diện theo ủy quyền không thừa nhận, bà H không có chứng cứ để chứng minh đã trả một phần nợ gốc, chỉ còn nợ số tiền 260.000.000đ, nên lời khai nại này của bà H không có cơ sở để xem xét.

Xét yêu cầu tính lãi của bà O, HĐXX thấy rằng: Bà O cho rằng việc cho vay, có tính lãi 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận nợ. Lời khai bà H tại Cơ quan điều tra Công an thành phố PQ khai mức lãi 30%, có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu tội phạm nên không khởi tố vụ án. Do đó, trường hợp này các bên có tranh chấp với nhau về lãi suất, HĐXX cần áp dụng khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định mức lãi vay trong trường hợp này là 10%/năm : 12 tháng = 0.83%/tháng. Được tính như sau: $(375.000.000đ \times 0.83\%/tháng) \times 28 \text{ tháng}$ lễ 26 ngày (từ ngày 01-10-2021 đến ngày 27-02-2024) = 89.847.500đ (tám mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Lệ H, HĐXX thấy rằng: Bà Hoa cung cấp 04 biên nhận nợ, cụ thể: (1) Biên nhận ngày 01-10-2020, bà H vay số tiền 300.000.000đ; (2) Biên nhận ngày 06-12-2020, bà H vay số tiền 100.000.000đ; (3) Biên nhận ngày 10-12-2020, bà H vay số tiền 40.000.000đ; (4) Biên nhận ngày 06-7-2021, bà H vay số tiền 290.000.000đ, tổng cộng 730.000.000đ (bảy trăm ba mươi triệu đồng).

Các biên nhận nợ, không thể hiện thời hạn vay, lãi vay, ghi người cho vay lần lượt là “anh Thịnh”, “Út”, “Dì Tạo”, “Dì Út” không thể hiện tên người cho vay là bà Lý Lệ H. Tuy nhiên, thể hiện tên người vay là bà Phạm Thanh H và các biên nhận nợ này là bản gốc.

Lời khai của bà Phạm Thanh H tại Cơ quan điều tra Công an thành phố PQ thể hiện, bà H thừa nhận có ký tên 04 biên nhận nợ nhưng không ghi tên bà Hoa là để giấu chồng là ông Tú việc bà H vay nợ của bà Hoa. Do đó, bà Hoa khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ gốc 730.000.000đ là có căn cứ. Lời khai bà H tại Cơ quan điều tra Công

an thành phố PQ cho rằng, đã trả một phần nợ gốc cho bà Hoa, chỉ còn nợ gốc 260.000.000đ, bà Hoa và người đại diện theo ủy quyền không thừa nhận, bà H không có chứng cứ để chứng minh đã trả một phần nợ gốc, chỉ còn nợ số tiền 260.000.000đ, nên lời khai nại này của bà H không có cơ sở để xem xét.

Xét yêu cầu tính lãi của bà Hoa, HĐXX thấy rằng: Bà Hoa cho rằng việc cho vay, có tính lãi 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận nợ. Lời khai bà H tại Cơ quan điều tra Công an thành phố PQ khai mức lãi 30%, có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu tội phạm nên không khởi tố vụ án. Do đó, trường hợp này các bên có tranh chấp với nhau về lãi suất, HĐXX cần áp dụng khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định mức lãi vay trong trường hợp này là 10%/năm : 12 tháng = 0.83%/tháng. Được tính như sau: $(730.000.000đ \times 0.83\%/tháng) \times 28 \text{ tháng}$ lễ 26 ngày (từ ngày 01-10-2021 đến ngày 27-02-2024) = 174.903.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

[2.3] Xét nghĩa vụ buộc liên đới, HĐXX thấy rằng: Lời khai ông Tú không thừa nhận có vay, ký nhận nợ giữa bà Hoa, bà O. Đối chiếu với các biên nhận nợ thể hiện người cho vay không phải là Hoa, bà O mà ghi tên người khác bà Hoa, bà O đều xác nhận việc ghi tên người khác để giấu ông Tú. Do đó, HĐXX xác định các khoản nợ trên là nợ riêng của bà H, không phải nợ chung giữa ông Tú với bà H, nên không thể buộc ông Tú có nghĩa vụ liên đới cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoa, bà O là phù hợp.

[3] Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Lý Thị Kiều O, Lý Lệ Hoa. Buộc bà Phạm Thanh H trả cho bà Lý Thị Kiều O số tiền nợ gốc và lãi là $375.000.000đ + 89.847.500đ = 464.847.500đ$ (bốn trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Buộc bà Phạm Thanh H trả cho bà Lý Lệ H số tiền nợ gốc và nợ lãi là $730.000.000đ + 174.903.000đ = 904.903.000đ$ (chín trăm lẻ bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O có yêu cầu khởi kiện được Tòa chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lý Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0004434, ngày 09-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

Hoàn trả cho bà Lý Lê Hoa số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0004434, ngày 09-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

Bà Phạm Thanh H phải chịu án phí trên số tiền buộc phải trả cho bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O tổng cộng $904.903.000đ + 464.847.500đ = 1.369.750.500đ$, được tính như sau: $1.369.750.500đ = 36.000.000đ + (569.750.500đ \times 3\%) = 53.092.500đ$ (năm mươi ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 227; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Lệ H về việc buộc bà Phạm Thanh H trả cho bà Lý Lệ H số tiền nợ gốc và lãi là 904.903.000đ (chín trăm lẻ bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Kiều O về việc buộc bà Phạm Thanh H trả cho bà Lý Thị Kiều O số tiền nợ gốc và lãi là 464.847.500đ (bốn trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O về việc buộc ông Lê Anh T liên đới với bà Phạm Thanh H hoàn trả toàn bộ số nợ nêu trên cho bà Lý Lệ H, bà Lý Thị Kiều O.

4- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Kiều O về việc buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

5- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Lê H về việc buộc ông Lê Anh T, bà Phạm Thanh H trả số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6- Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Lý Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0004434, ngày 09-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

Hoàn trả cho bà Lý Lê Hoa số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0004434, ngày 09-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

Bà Phạm Thanh H phải chịu án phí trên số tiền buộc phải trả cho bà Lý Lê H, bà Lý Thị Kiều O tổng cộng $904.903.000đ + 464.847.500đ = 1.369.750.500đ$, được tính như sau: $1.369.750.500đ = 36.000.000đ + (569.750.500đ \times 3\%) = 53.092.500đ$ (năm mươi ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

7- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND Tp.PQ;
- T.H.A DS Tp.PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Kiệt